

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ LỆ CHI

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1: PGS. TS. Trần Đình Khôi Nguyên

Phản biện 2: PGS. TS. Đặng Văn Thanh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 01 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kỳ kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngành công nghiệp thủy sản đang có những bước tăng trưởng và phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường, đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn chủ động khi tiến hành sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu chung là chỗ đứng trên thị trường và lợi nhuận. Có lợi nhuận, DN mới có thể tồn tại, mới có thể kết hợp được ích lợi của doanh nghiệp và công nhân viên, có điều kiện để tái sản xuất giản đơn và mở rộng quy mô cho doanh nghiệp. Muốn được như thế, các DN phải tăng cường năng lực cạnh tranh của mình bằng nhiều cách: quản lý chi phí chặt chẽ, sản phẩm của mình đạt chất lượng cao nhưng giá thành hạ thu hút khách hàng...

Doanh nghiệp có thể kiểm soát, tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả thì công tác kế toán phải được tổ chức, xây dựng thật chặt chẽ, hợp lý, kịp thời đúng với yêu cầu, nhạy bén với công việc và phải đảm trách được tất cả nhiệm vụ công việc ở bộ phận mình. Tuy nhiên, những thông tin của kế toán tài chính đều mang tính quá khứ, phản ánh những nghiệp vụ kinh tế đã qua, nên không thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu thông tin của các nhà quản trị trong doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Kế toán quản trị với chức năng cung cấp các thông tin quá khứ, hiện tại và cả tương lai cho các nhà quản lý sẽ là công cụ hỗ trợ tốt cho nhà quản trị trong việc điều hành DN.

Trong thời gian gần đây, ngành chế biến thủy sản của Việt Nam đang mở rộng thị trường tiêu thụ, các Công ty đều có xu hướng mở rộng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào có

nhiều biến động, nguồn nguyên liệu không ổn định, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhiều Công ty. Trong bối cảnh này, các DN chế biến thủy sản tại Việt Nam ứng dụng kế toán quản trị chi phí trong hoạt động quản lý còn là vấn đề mới mẻ, chưa được triển khai một cách đồng bộ và khoa học cùng với đặc điểm của ngành ảnh hưởng ít nhiều đến hạch toán chi phí. Hiện nay trong Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định mới chỉ có hệ thống KTTC là tương đối hoàn chỉnh còn hệ thống KTQT thì còn tồn tại nhiều hạn chế. Xét thấy công tác kế toán quản trị chi phí áp dụng vào thực tiễn là việc hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định và cần tìm ra những giải pháp thích hợp để đổi mới phương thức quản lý của Công ty nói riêng và sự phát triển ngành chế biến thủy sản nói chung.

Vì lý do trên nên tác giả chọn “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định” làm đề tài nghiên cứu cho mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu, hệ thống hóa về mặt lý luận các phương pháp kế toán quản trị chi phí trong DN sản xuất.

Luận văn nêu thực trạng hệ thống KTQT chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định. Qua đó phân tích, đánh giá, đưa ra những ưu và nhược điểm của công tác KTQT chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định.

Từ những cơ sở trên, tác giả đề ra các giải pháp ứng dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hoàn thiện công tác KTQT chi phí nhanh, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý của lãnh đạo Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định trong việc quyết định các

phương án tối ưu cho DN vào thời buổi kinh tế khủng hoảng và cạnh tranh khốc liệt này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận và thực tiễn liên quan đến kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định. Nêu giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định.

- Phạm vi nghiên cứu tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định. Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định ngoài hoạt động chế biến thủy sản còn có các hoạt động sản xuất nước mắm, nuôi trồng, mua bán thủy sản, xăng dầu... Tuy nhiên hiện nay, giá trị hoạt động chế biến thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Vì vậy luận văn tập trung vào nghiên cứu và hoàn thiện kế toán quản trị chi phí cho hoạt động chế biến thủy sản của Công ty (tại Nhà máy chế biến hải sản đông lạnh An Hải). Thời gian: Các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa từ nay đến những năm sắp tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong suốt quá trình nghiên cứu, tác giả vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng kết hợp với chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đề tài còn sử dụng các phương pháp khác như điều tra phỏng vấn trực tiếp, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu giữa thực tiễn với lý thuyết về KTQT để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong DNSX.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí ở Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí ở Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Việc nghiên cứu về KTQT nói chung và KTQT chi phí nói riêng đã được rất nhiều tác giả Việt Nam nghiên cứu từ những năm 1990. Bắt đầu từ năm 2000, nhiều tác giả đã nghiên cứu về một số vấn đề cụ thể của KTQT áp dụng riêng cho các DN kinh doanh dịch vụ và DN sản xuất.

Tác giả Đặng Kim Cương (2000) nghiên cứu về *“Vận dụng kế toán quản trị và phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp nông nghiệp”*. Tác giả nêu thực trạng kế toán và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, tác giả đưa ra một số giải pháp cơ bản để vận dụng kế toán quản trị vào doanh nghiệp nông nghiệp chủ yếu tập trung vào vấn đề tổ chức bộ máy, thiết lập trung tâm chi phí, hệ thống chứng từ sổ sách tài khoản, áp dụng phương pháp phân bổ chi phí theo hoạt động, lập dự toán ngân sách của Công ty nhằm cung cấp thông tin kế toán hữu ích kịp thời cho nhà quản trị ra quyết định quản lý.

Tác giả Phạm Thị Kim Vân (2002) nghiên cứu về *“Tổ chức kế toán quản trị chi phí và kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp kinh doanh du lịch”*. Trong luận văn này cũng nêu một số ứng dụng kế toán quản trị các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đang áp dụng nhưng cách tập hợp báo cáo, thông tin chưa đủ chính xác, việc phân tích chi phí chưa chú trọng đúng mức nên giảm tác dụng kiểm soát chi phí toàn diện.

Tác giả Dương Thị Mai Hà Trâm (2004) nghiên cứu *“Xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Dệt Việt”*

Nam”. Luận văn này, tác giả cũng chỉ mới đi vào xây dựng hệ thống đặc thù của các doanh nghiệp dệt, mà thực tiễn và lý thuyết có khi lại có sự chênh lệch chưa lộ diện.

Tác giả Lê Mai Nga (2005) với nghiên cứu “*Tổ chức công tác kế toán quản trị ở các doanh nghiệp cơ khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” – Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng. Luận văn này tác giả cũng chỉ đề cập đến công tác tổ chức KTQT tại một số doanh nghiệp ngành cơ khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và giải pháp đưa ra nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị riêng cho ngành cơ khí.

Tác giả Dương Tùng Lâm (2005), “*Nghiên cứu kế toán quản trị chi phí, doanh thu trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*” - Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng. Luận văn này chủ yếu nghiên cứu KTQT chi phí kết hợp với doanh thu trong doanh nghiệp kinh doanh ngành du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Với luận án “*Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam*”, tác giả Phạm Thị Thủy (2007). Đại học Kinh tế Quốc dân. Luận án này đang trên đường xây dựng thí điểm mô hình KTQT chi phí trong một số doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam, không đi sâu vào hoàn thiện một quy trình cụ thể của ngành.

Ngoài ra còn có đề tài nghiên cứu của các tác giả Đoàn Thị Lành (2008) “*Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp dệt ở Đà Nẵng*” - Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng; tác giả Nguyễn Thanh Trúc (2008) nghiên cứu về “*Kế toán quản trị chi phí ở các Công ty cà phê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Dak Lak*”; tác giả Đào Thị Minh Tâm (2009) nghiên cứu về “*Kế*

toán quản trị chi phí và ứng dụng của nó trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam”; tác giả Nguyễn Thị Minh Tâm (2010) “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Viễn thông Quảng Ngãi*” - Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng; tác giả Lê Thị Huyền Trân (2011) “*Kế toán quản trị chi phí tại Tổng Công ty Cổ phần dệt may Hòa Thọ*” - Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng... Qua các tài liệu trên, cho thấy các tác giả đã nghiên cứu cụ thể việc ứng dụng kế toán quản trị, kế toán quản trị chi phí vào nhiều loại hình doanh nghiệp, không chỉ các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mà cả các doanh nghiệp sản xuất, bởi tính linh hoạt của kế toán quản trị, kế toán quản trị chi phí là rất cao, phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng ngành, từng DN.

Trong các nghiên cứu trên, các tác giả đã khái quát, đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị, kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp và đề xuất phương hướng ứng dụng kế toán quản trị vào các ngành cụ thể. Tuy nhiên, tất cả các công trình nghiên cứu về kế toán quản trị đã công bố đều chưa nghiên cứu chuyên sâu về công tác kế toán quản trị chi phí áp dụng cho một doanh nghiệp chế biến thủy sản cụ thể nào, trong khi các doanh nghiệp này đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sau khi Việt Nam gia nhập WTO và vài năm sau này là đối đầu với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu... Do vậy, luận văn nghiên cứu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định là một biểu hiện cụ thể đóng góp vào ngành chế biến thủy sản cái nhìn toàn vẹn hơn về chi phí trong ngành ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Bản chất, vai trò kế toán quản trị chi phí

a. Bản chất kế toán quản trị chi phí

Bản chất KTQT chi phí là thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh trong sổ kế toán, hệ thống hóa các thông tin theo trình tự dễ hiểu và giải trình quá trình phân tích theo chỉ tiêu cụ thể phục vụ nhà quản lý nội bộ DN quyết định phương án SX kinh doanh.

b. Vai trò kế toán quản trị chi phí

KTQT chi phí là nguồn cung cấp thông tin quan trọng về chi phí cho các nhà quản lý, giúp họ thực hiện các chức năng quản trị doanh nghiệp. Vai trò của thông tin kế toán về chi phí với nhà quản trị được biểu hiện qua các chức năng cơ bản là lập dự toán, tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá việc thực hiện dự toán và ra quyết định.

1.1.2. Sự phát triển của KTQT ở các nước và vận dụng tại Việt Nam

a. Sự phát triển của KTQT ở các nước

Kế toán quản trị (KTQT) đã hình thành, phát triển nhanh về lý luận, thực tiễn trong các doanh nghiệp (DN) trên thế giới. Quá trình đó vừa tạo nên những điểm chung và khuynh hướng riêng của mỗi DN và ở từng nước:

KTQT trong DN ở các nước Châu Âu, KTQT ở Nhật, KTQT ở một số nước k. vực Đông Nam Á.

b. Áp dụng kinh nghiệm xây dựng KTQT vào Việt Nam

1.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ TRONG DN SẢN XUẤT

Chi phí trong doanh nghiệp được xem xét với nhiều khía cạnh khác nhau. Cụ thể, chi phí sẽ được phân loại theo các tiêu thức phân loại như sau:

1.2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Chi phí phát sinh trong các DN SX, xét theo công dụng:

a. *Chi phí sản xuất* gồm ba khoản mục: CPNVLT, CPNCTT, CPSXC

b. *Chi phí ngoài sản xuất* gồm hai khoản mục: chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN

1.2.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

Theo phân loại này chi phí sản xuất kinh doanh được chia làm hai loại là chi phí sản phẩm (product costs) và chi phí thời kỳ (period costs)

1.2.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

a. *Chi phí khả biến (Variable costs)*

b. *Chi phí bất biến (Fixed costs)*

c. *Chi phí hỗn hợp (Mixed costs)*

1.2.4. Phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định

Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

Chi phí tránh được và chi phí không tránh được

Chi phí lặn (sunk costs)

Chi phí chênh lệch (differential costs)

Chi phí cơ hội (Opportunity costs)

1.3. NỘI DUNG KTQT CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.3.1. Lập dự toán chi phí và giá thành sản phẩm

Lập dự toán chi phí nhằm xác định toàn bộ chi phí để sản xuất một khối lượng SP đã được xác định trước.

a. Lập dự toán chi phí

Lập dự toán chi phí nhằm xác định toàn bộ chi phí để sản xuất một khối lượng sản phẩm đã được xác định trước.

- **Dự toán CPNVLT** căn cứ vào định mức tiêu hao NVL và đơn giá dự toán NVL. Dự toán CPNVLT phản ánh tất cả CPNVLT cần thiết để đáp ứng yêu cầu SX thể hiện trên dự toán khối lượng SP SX.

- Dự toán CPNCTT

$$\begin{array}{l} \text{CPNCTT} \\ \text{dự toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SPSX kế} \\ \text{hoạch} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{thời gian} \\ \text{l.động/1sp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đgiá} \\ \text{t.gian/giờ} \\ \text{l.động} \end{array}$$

- Dự toán CPSXC

Dự toán này ở các DN thường được xem là một nơi tập trung chủ yếu nhằm giảm thấp chi phí và giá thành SP.

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán chi} \\ \text{phí SXC} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đtoán biến} \\ \text{phí SXC} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Đtoán định phí} \\ \text{SXC} \end{array}$$

- Dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Dự toán chi phí bán hàng

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dự toán biến} \\ \text{phí bán hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán định} \\ \text{phí bán hàng} \end{array}$$

+ Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán chi} \\ \text{phí q lý DN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dự toán biến phí} \\ \text{quản lý DN} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán định phí} \\ \text{quản lý DN} \end{array}$$

b. Lập dự toán giá thành sản phẩm gồm 2 phương pháp

- Lập dự toán giá thành theo phương pháp toàn bộ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành SP} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NVLTT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NCTT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \end{array}$$

- Lập dự toán giá thành theo phương pháp trực tiếp

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành SP} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NVLTT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{NCTT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Biến phí SXC} \end{array}$$

1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm

a. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành

b. Phương pháp tập hợp và xác định chi phí

1.3.3. Phân tích chi phí phục vụ cho kiểm soát chi phí

a. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

b. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

c. Kiểm soát chi phí sản xuất chung:

d. Kiểm soát chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN

1.3.4. Phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc ra quyết định.

a. Phân tích điểm hòa vốn

b. Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng - lợi nhuận

1.3.5. Tổ chức bộ máy KTQT chi phí trong doanh nghiệp

- Hình thức kết hợp tổ chức KTQT với KTTC

- Hình thức tổ chức KTQT độc lập với KTTC

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Công tác KTQT chi phí là tiền đề cho các nhà quản trị tìm mọi biện pháp tiết kiệm các chi phí, hạ giá thành sản phẩm, là công cụ hữu hiệu, chính yếu cung cấp thông tin chi phí cho việc thực hiện các

chức năng quản trị trong DN. Vì hầu hết các quyết định kinh doanh của DN đều liên quan đến chi phí.

Nội dung chương 1 của luận văn đi sâu nghiên cứu bản chất, vai trò và chức năng của kế toán quản trị chi phí. Bên cạnh đó luận văn cũng khái quát các loại chi phí, định mức chi phí và lập dự toán chi phí, phương pháp xác định giá thành SP; phân tích chi phí nhằm tăng cường kiểm soát chi phí và phân tích thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định.

Đây là những tiền đề lí luận làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí, định hướng nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

- Ngành nghề kinh doanh: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056954 đăng kí thay đổi lần thứ 3 ngày 21/4/2003 Công ty có chức năng kinh doanh:

- + Nuôi trồng, chế biến, mua bán thủy sản.
- + Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền
- + Mua bán gỗ.
- + Mua bán thiết bị, vật tư, hàng hóa phục vụ nghề cá.

+ Mua bán xăng dầu, phân bón, nông sản, nguyên liệu thuốc lá, hàng điện máy, lạnh, dân dụng, giấy và nguyên liệu làm giấy.

+ Dịch vụ ăn uống, giải khát.

Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định hiện nay có 5 đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc và mỗi đơn vị đều có một mặt hàng kinh doanh riêng:

1. Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu An Hải tại p. Hải Cảng - TP. Quy Nhơn

2. Công ty kinh doanh dịch vụ thủy sản Quy Nhơn tại p. Thị Nại – TP. Quy Nhơn.

3. Công ty chế biến thủy sản Tháp Đôi tại p. Đống Đa – TP Quy Nhơn

4. Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định tại 38 Lê Quang Kim – P.9- Q.8- TP. Hồ Chí Minh.

5. Công ty kinh doanh dịch vụ thủy sản Đền Gi tại thôn An Quang, xã Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

- SP chính của Công ty: hải sản đông lạnh, nước mắm.

- Hàng hải sản đông lạnh SX chủ yếu tiêu thụ ở thị trường nước ngoài (chiếm 70% tổng doanh thu toàn Công ty);

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ;

Công ty áp dụng chế độ kế toán DN Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2.1.3. Quy trình công nghệ và tổ chức tại Công ty

a. Giới thiệu quy trình công nghệ sản xuất (sơ đồ 2.1 trang 34LV)

b. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

c. Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty theo kiểu mô hình trực tuyến - tham mưu (sơ đồ 2.3 trang 37LV)

d. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán phần hành và kế toán các đơn vị thành viên. Hiện tại, Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định có 5 đơn vị thành viên. Mô hình tổ chức kế toán tập trung được Công ty đang áp dụng.

Tất cả các bộ phận hỗ trợ phát sinh chi phí trong kỳ ở đơn vị thành viên nào thì sẽ được kế toán hạch toán vào đơn vị đó. Tiếp sau, Kế toán tổng hợp là người tổng hợp toàn bộ chi phí đã phát sinh về trụ sở chính của Công ty.

Chức năng của các nhân viên kế toán.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

2.2.1. Phân loại chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVL chiếm tới 65 - 75% trong tổng giá thành SP.

Do đặc điểm hàng thủy sản là tươi sống không thể để lâu vì vậy nguyên liệu chính khi mua vào và phân cỡ xong được đưa ngay vào chế biến, không thông qua nhập kho. Như vậy lượng nguyên liệu chính mua về cũng chính bằng lượng xuất dùng vào chế biến SP.

NVL phụ: hoá chất, bao bì (hộp giấy, băng keo, chỉ...)

b. Chi phí nhân công trực tiếp

Công ty trả lương theo SP cho công nhân trực tiếp SX.

Tiền lương SP = Đơn giá x Ngày công SP

c. Chi phí sản xuất chung là những chi phí phục vụ và quản lý sản xuất phát sinh trong kỳ, phạm vi phân xưởng

Công tác phân loại chi phí tại Công ty chủ yếu phục vụ cho việc lập BCTC, chưa quan tâm đến phân loại chi phí phục vụ cho quản trị DN. Vì vậy, để kiểm soát chi phí, phát huy vai trò thông tin KTQT, Công ty cần phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.

2.2.2. Công tác lập dự toán chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

Dự toán chi phí lập vào cuối quý 4 năm trước và xây dựng cho cả năm với sự phối hợp của các phòng. Phòng kế toán sẽ cung cấp thông tin về tình hình thực hiện dự toán của năm trước kết hợp với các định mức tiêu chuẩn SP từ phòng kinh tế kế hoạch.

Dự toán sản lượng SX căn cứ vào kế hoạch SX của năm, vào kết quả kinh doanh năm trước. Phòng kinh tế kế hoạch tiến hành phân tích để lập dự toán sản lượng SX của năm. Từ căn cứ này, kế toán Công ty lập dự toán chi phí. Định mức được thay đổi, điều chỉnh phù hợp qua các năm.

Qua bảng khối lượng cá fillet thành phẩm trong kỳ ta thấy cá tra fillet chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thành phẩm, đến cá basa, cá bò gù và cuối cùng là tôm. Nên luận văn này tác giả chỉ chú trọng KTQT chi phí SP cá tra fillet đông lạnh đóng gói tại Công ty làm điển hình.

a. Dự toán chi phí NVLTT chế biến

Dựa vào các đơn hàng và tham khảo nhu cầu thị trường. Công ty xây dựng dự toán chi phí NVL trực tiếp cho sản xuất năm 2011.

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{lượng NVL(tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kế hoạch} \\ \text{SX (tháng)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức tiêu} \\ \text{hao NVL} \end{array}$$

b. Dự toán chi phí NCTT chế biến

Lập d.toán NCTT c.cứ vào đơn giá lương của SP năm 2010

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương 2011} &= \text{Đơn giá tiền lương 2010} \times \text{Số lượng SP} \\ 1.166.100.000 &= 4.600 \quad \times \quad 253.500 \end{aligned}$$

c. Dự toán chi phí SXC

Dự toán các chi phí này được xây dựng chủ yếu từ thống kê và ước tính.

d. Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Tương tự như CPSXC

Dự toán giá thành SP T12/2011 2.2.3. Công tác kế toán chi phí và giá thành tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

a. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty

Đối tượng tập hợp chi phí của Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định là từng phân xưởng riêng biệt.

Phân xưởng chế biến có nhiều SP với nhiều chủng loại, mỗi chủng loại có nhiều quy cách khác nhau theo nhiều kích cỡ do khách hàng đặt. Vì vậy, đối tượng tính giá thành là Kg SP hoàn thành.

b. Kế toán tập hợp chi phí tại Công ty

- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dựa vào phiếu thu mua cá để tổng hợp giá thực tế thu mua, dựa vào phiếu xuất kho để tổng hợp khối lượng cá dùng cho sản xuất trong kỳ.

Do Công ty sản xuất thực phẩm tươi sống nên cá tra nguyên liệu mua về đưa ngay lên xưởng không qua nhập kho NVL. Công nhân phải làm hết lượng cá mua trong ngày, bảo đảm tính tươi sống của cá. Chính vì đặc điểm này mà cá tra nguyên liệu không có tồn kho cuối kỳ. Giá cá xuất dùng cho sản xuất được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, không có trị giá tồn đầu kỳ.

Tất cả cá tra nguyên liệu mua trong kỳ được sử dụng hết để SX 253.500 kg cá tra fillet đông lạnh đóng gói. Dựa vào tổng hợp về

giá và lượng nguyên liệu chính cùng với các CPNVL phụ ta có tổng hợp CPNVLTT phát sinh trong kỳ

Số lượng cá mua vào nhiều hơn dự toán do cá chết, bệnh và không đạt trọng lượng bị loại bỏ trước khi vào cất tiết.

Theo nhân viên thu mua thì giá cá trên thị trường giảm làm lợi cho Công ty một khoản tiền chênh lệch so với dự toán.

- Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Khoản chi phí này được hạch toán vào TK 622 “chi phí nhân công trực tiếp”

Thẻ thời gian lao động theo công việc, được lập bởi xưởng sản xuất, chỉ ra thời gian lao động của từng công nhân theo từng công việc.

- Tập hợp chi phí sản xuất chung

Công ty sử dụng TK 627 “chi phí sản xuất chung” để hạch toán CPSXC, theo dõi chi tiết cho từng loại chi phí.

Dựa vào chứng từ gốc, kế toán cập nhật số liệu những khoản CPSXC phát sinh trong tháng. Cuối kỳ tập hợp CPSXC

- Tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN

Kế toán sử dụng tài khoản 641 “chi phí bán hàng” và tài khoản 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”. Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để ghi vào sổ chi tiết tài khoản. Cuối kỳ tập hợp chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh.

- Tổng hợp chi phí SX và tính giá thành SP

Cuối kỳ, căn cứ vào các bảng tập hợp chi tiết CP NVLTT, NCTT, CPSXC và kế toán lập thành bảng tính giá thành SP

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn dựa vào tổng chi phí SX và khối lượng thành phẩm trong kỳ.

2.2.4. Thực trạng phân tích thông tin chi phí phục vụ cho kiểm soát chi phí

Công ty mới chỉ lập ra kế hoạch trên cơ sở số liệu thực tế của năm trước... việc phân tích chưa sâu sắc, chưa là công cụ cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Công ty không xác định và phân tích điểm hòa vốn, không ứng dụng mối quan hệ C-V-P. Công ty chỉ chú trọng công tác phân tích BCTC.

2.3. TÓM TẮT ƯU VÀ NHƯỢC ĐIỂM TẠI KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

Qua tìm hiểu công tác KTQT chi phí tại Công ty ta thấy:

2.3.1. Ưu điểm

- Công ty đã phối hợp nhịp nhàng các bộ phận trong Công ty giúp quá trình SX được thông suốt. Luôn phản ánh một cách kịp thời và đầy đủ các loại chi phí SX tại thời điểm phát sinh giúp cho công tác tính giá thành được thực hiện một cách chính xác.

- Công ty đã xây dựng định mức tiêu hao cho từng loại SP. Nhờ đó Công ty có thể khống chế, giới hạn các chi phí phát sinh, hạ thấp giá thành SP là mục tiêu hàng đầu của các nhà quản lý. Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

- Bộ phận KTQT thực hiện khá tốt việc lập kế hoạch và dự toán chi phí phần nào đáp ứng được nhu cầu của nhà quản trị trong kiểm soát chi phí, đánh giá tình hình thực hiện so với dự toán.

2.3.2. Nhược điểm

Việc lập dự toán chi kế toán trưởng của Công ty trên cơ sở tập hợp bảng dự toán ở các bộ phận, phòng ban; khối lượng dự toán nhiều, tốn nhiều thời gian, khả năng dễ xảy ra sai sót, tính hữu ích công tác không nhiều, gây tâm lý ức chế vì quá tải trong công việc.

Công ty chỉ phân loại chi phí theo chức năng hoạt động, chưa

quan tâm đến việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí nhằm phục vụ KTQT chi phí.

Đối với chi phí nhân công quản lý phân xưởng, do số lượng nhân công phục vụ cho công tác quản lý phân xưởng là không nhiều, Công ty không phân bổ chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho bộ phận này (627) mà ghi nhận luôn vào CPNCTT sẽ không phản ánh đúng các khoản mục chi phí phát sinh.

Công tác phân tích chi phí chưa được quan tâm, Công ty chưa lập được báo cáo phân tích chi phí, sự biến động của chi phí và chỉ ra những nhân tố dẫn đến sự biến động đó cũng như tìm hiểu nguyên nhân của sự biến động.

Công ty chưa khai thác được số liệu phục vụ cho công tác phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận nhằm cung cấp cho nhà quản trị những thông tin hữu ích, linh hoạt trong quá trình ra quyết định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đã phản ánh thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định. Luận văn khái quát được tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như tình hình kế toán quản trị chi phí của Công ty. Công tác kế toán quản trị chi phí ở Công ty được thể hiện qua việc nhận diện và phân loại chi phí, xây dựng định mức chi phí; công tác lập dự toán các khoản mục chi phí, dự toán giá thành sản xuất sản phẩm; lập báo cáo về việc thực hiện chi phí. Đồng thời tác giả cũng đưa ra những ý kiến nhận xét về những ưu điểm và hạn chế trong công tác KTQT chi phí của Công ty. Phần nghiên cứu này là cơ sở để tác giả đưa ra những giải pháp khoa học và hợp lý nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định ở chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH.

KTQT chi phí tại Công ty được vận dụng khá đơn giản trên cơ sở thừa kế phương pháp lập kế hoạch SX kinh doanh định kỳ hằng năm.

Công tác KTQT chi phí bước đầu đã hình thành nhưng chưa có sự phân công cụ thể. KTQT kết hợp với các phòng ban ngẫu nhiên tự phát. KTQT hiện nay chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin cho nhà quản trị. Để KTQT tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định thực hiện tốt chức năng của mình thì đòi hỏi KTQT phải đạt được các yêu cầu

Về tổ chức công tác KTQT chi phí cần phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí lập dự toán chi phí linh hoạt, phân tích biến động chi phí giữa dự toán và thực tế nhằm tăng cường kiểm soát chi phí, phân tích thông tin chi phí để lựa chọn phương án kinh doanh.

Về tổ chức hệ thống sổ KTQT chi phí theo biến phí và định phí từng khoản mục chi phí để làm cơ sở cho việc phân tích biến động chi phí.

Về tổ chức bộ máy kế toán, phân định việc rõ ràng của thông tin giữa KTQT và KTTC.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

3.2.1. Phân loại chi phí phục vụ cho KTQT chi phí

Phân loại chi phí của Công ty hiện ở mức độ thông tin chi tiết

còn hạn chế. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chia chi phí thành 3 loại: biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp sẽ là thông tin thích hợp giúp nhà quản lý linh động trong việc lập kế hoạch, kiểm soát chi phí, thành công trong việc ra quyết định trong kinh doanh.

3.2.2. Lập dự toán chi phí linh hoạt

Hiện nay tại Công ty, việc lập dự toán chi dùng lại ở dự toán tĩnh nghĩa là chỉ theo một mức hoạt động nhất định. Điều này chưa đáp ứng được thông tin cho các nhà quản trị trong việc đưa ra quyết định phù hợp nếu như có sự thay đổi về quy mô sản xuất, sự thay đổi giá sản phẩm... Vì lúc đó chi phí của sản phẩm sẽ thay đổi nếu như có sự thay đổi của các yếu tố có liên quan. Do vậy việc lập dự toán linh hoạt sẽ đáp ứng yêu cầu này.

Các bước tiến hành khi lập dự toán chi phí linh hoạt:

- Xác định phạm vi hoạt động trong kỳ kế hoạch.
- Phân tích các chi phí có thể phát sinh trong phạm vi phù hợp theo cách ứng xử chi phí.

- Tính biến phí đơn vị theo mức hoạt động kế hoạch.

3.2.3. Phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc ra quyết định

a. Phân tích điểm hòa vốn

DN cần tính toán các thông số: sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn, doanh thu an toàn, tỷ lệ doanh thu an toàn

Qua phân tích điểm hòa vốn giúp nhà quản trị nhận thức được những vấn đề cơ bản về tình hình kết quả SX kinh doanh của một SP hay một phương án kinh doanh

b. Phân tích lợi nhuận theo mối quan hệ C-V-P

Có thể vận dụng mối quan hệ C-V-P trong việc xác định sản

lượng, doanh thu tương ứng với mức lợi nhuận nhất định và việc lựa chọn những phương án SX tối ưu được phát huy tác dụng.

3.2.4. Phân tích chi phí phục vụ cho kiểm soát chi phí

Qua phân tích tình hình biến động chi phí có thể xác định được các khả năng tiềm tàng, nguyên nhân chủ quan, khách quan tác động đến sự tăng giảm chi phí thực tế so với dự toán, từ đó kịp thời khắc phục những hoạt động chưa tốt hoặc điều chỉnh những tiêu chuẩn rời xa thực tế

a. Kiểm soát chi phí sản xuất

Dù các báo cáo bộ phận của Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chi phí về định mức nguyên liệu, cung cấp thông tin cho việc tính lương của người lao động, nhưng chiều hướng biến động như thế nào, nguyên nhân của biến động thì chưa phân tích theo chiều sâu để thuận lợi hơn trong việc kiểm soát chi phí. Công ty cần tiến hành phân tích biến động dự toán và thực tế của CPNVLT, CPNCTT, CPSXC. Các chi phí này đều bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố là lượng và giá.

b. Kiểm soát chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN

- Kiểm soát loại chi phí này cần tiến hành theo từng khoản mục chi phí cụ thể, theo từng nơi phát sinh chi phí.

- Kiểm soát định phí bán hàng và định phí quản lý DN nhằm đánh giá năng lực sử dụng tài sản cố định và năng lực quản lý trong quá trình bán hàng và hoạt động quản lý nói chung. Kỹ thuật phân tích định phí bán hàng và định phí quản lý DN cũng tương tự như kỹ thuật áp dụng định phí SX.

Trong phân tích chi phí phục vụ kiểm soát chi phí là các mẫu bảng biểu báo cáo cần thực hiện để phân tích biến động chi phí. Để

đảm bảo c cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị, các báo cáo phải được thiết kế đơn giản, dễ hiểu, đảm bảo tính so sánh được và phù hợp với nhu cầu thông tin của nhà quản trị Công ty, phù hợp hoạt động SX của Công ty, phù hợp phạm vi c cấp thông tin của kế toán, đồng thời đảm bảo phục vụ cho chức năng quản trị của quản lý Công ty: báo cáo chi phí SX, báo cáo tình hình thực hiện giá thành.

3.2.5. Tổ chức mô hình kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định

KTQT chi phí phải được hình thành song song với KTTC. Để xây dựng và vận dụng thành công hệ thống KTQT thì điều kiện tiên quyết là: phải có các chuyên gia giỏi, có sự tham gia tích cực của lãnh đạo cấp cao, có đủ các nguồn lực dành riêng cho hệ thống kế toán quản trị, phải nhận diện chính xác chiến lược phát triển của DN.

Báo cáo của KTQT được sử dụng kết hợp với các báo cáo khác của DN để có cái nhìn toàn diện hơn về các yếu tố đang tác động đến hoạt động của DN.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý số liệu. Công ty nên sử dụng hệ thống phần mềm quản trị thống nhất để có sự liên kết giữa các bộ phận khác nhau

Trách nhiệm của mỗi kế toán viên:

- KTTC; KTQT; Bộ phận lập dự toán; Bộ phận phân tích, đánh giá; Kế toán tiền mặt, tiền lương và bảo hiểm; Kế toán NVL, CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng

Sự kết hợp giữa KTQT và KTTC trong cùng một bộ máy kế toán tạo ra sự thuận lợi cho các kế toán viên tránh được sự chông chéo trong việc thu thập xử lý cung cấp thông tin cho nhà quản trị vừa có thể theo dõi và kiểm soát được chi phí phát sinh trong Công

ty. Việc tồn tại một hệ thống kế toán sẽ tiết kiệm được chi phí trong hạch toán kế toán, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả hơn mô hình KTQT tách rời so với lợi ích thu được.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua phân tích thực trạng KTQT chi phí tại Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định, tác giả nhận thấy còn tồn tại một số vấn đề mà nhà quản trị phải giải quyết để có thể đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động SX kinh doanh theo mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty. Đó chính là lý do nội dung Chương 3 luận văn hướng tới các giải pháp để hoàn thiện công tác KTQT chi phí ở Công ty. Các giải pháp này tập trung vào vấn đề phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, xây dựng hệ thống sổ chi tiết tập hợp chi phí, dự toán chi phí linh hoạt, phân tích biến động chi phí thực tế và dự toán nhằm tăng cường kiểm soát chi phí và phân tích C – V – P để ra quyết định kinh doanh. Ngoài ra để hệ thống KTQT chi phí được vận dụng có hiệu quả, luận văn còn đưa ra mô hình KTQT chi phí phù hợp với cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty.

Chương này, tác giả đã đưa ra mô hình KTQT lồng ghép với KTTTC trong cùng một bộ máy kế toán để phân công công tác KTQT chi phí khắc phục tình hình hiện tại của Công ty là KTQT chỉ do một nhân viên kế toán đảm nhận và không chú trọng đến khâu phân tích lập báo cáo KTQT một cách chi tiết cụ thể. Đồng thời đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm thể hiện sự liên kết, mối liên hệ cung cấp thông tin cho nhau của KTTTC và KTQT của Công ty, tạo cơ sở cho nhau của KTTTC và KTQT của Công ty, tạo cơ sở cho công tác so sánh, đánh giá, kiểm soát các khoản mục chi phí.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với một môi trường cạnh tranh khốc liệt nhất, vì vậy các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị tốt về mọi mặt, đồng nghĩa trách nhiệm của các nhà quản trị doanh nghiệp là rất nặng nề.

Hoàn thiện công tác KTQT chi phí sẽ tạo điều kiện cho các nhà lãnh đạo quản lý tốt quá trình SXKD, kịp thời đưa ra các quyết định chính xác và hiệu quả. Trên cơ sở lý luận và qua việc tìm hiểu tình hình KTQT chi phí tại Công ty, luận văn đã đưa một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất tại Công ty như: phân loại chi phí, lập dự toán chi phí, phân tích biến động chi phí và phân tích mối quan hệ C - V - P, cách lập sổ, các báo cáo phục vụ cho KTQT, tổ chức bộ máy KTQT để có thể vận dụng một cách có hiệu quả hệ thống KTQT chi phí cho Công ty cổ phần Thủy Sản Bình Định.